

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30-11-2023

V/v: *Không công nhận quan hệ
vợ chồng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Thiệp, bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh SL tham gia phiên tòa: Ông Bạc Cầm Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 27/2023/TLST - HNGĐ ngày 19-10-2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15-11-2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị M, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Bản NL, xã PL, huyện TC, tỉnh SL.

2. *Bị đơn:* Anh Cà Văn T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản NL, xã PL, huyện TC, tỉnh SL.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn chị Lò Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2007, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2022 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, chị M và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị M yêu cầu ly hôn với anh Cà Văn T.

Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T có 02 con chung là: Cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008.

Chị Lò Thị M đề nghị giao cả hai con chung cho anh Cà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Chị M cam đoan không có nợ chung.

Trong bản tự khai và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Cà Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Cà Văn T và chị Lò Thị M chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2007, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2022 cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn, anh T và chị M đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay không đăng ký kết hôn. Chị Lò Thị M yêu cầu ly hôn với anh Cà Văn T, anh T nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Về con chung: Anh Cà Văn T và chị Lò Thị M có 02 con chung là: Cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008.

Anh Cà Văn T nhất trí yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Cà Văn T không yêu cầu chị Lò Thị M cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Anh T cam đoan không có nợ chung.

Đương sự không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án, không có ý kiến gì về các chứng cứ do các đương sự khác xuất trình và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người tham gia tố tụng khác.

Chị Lò Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Chị M giữ nguyên ý kiến như trình bày trong đơn khởi kiện và phiên hòa giải.

Anh Cà Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Anh T giữ nguyên ý kiến như trình bày trong bản tự khai và phiên hòa giải.

Ý kiến của cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008 (Biên bản ghi ý kiến ngày 06/11/2023): Cháu Cà Thị T và cháu Cà NV đều có nguyện vọng muốn được ở với anh Cà Văn T.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương ngày 03/11/2023: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 không đăng ký kết hôn với nhau đến nay đã sống ly thân từ năm 2022. Anh Cà Văn T và chị Lò Thị M có 02 con chung: Cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008. Hiện tại hai cháu đang ở với anh Cà Văn T và ông bà nội. Anh T đủ điều kiện nuôi hai con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định pháp luật tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lò Thị M và anh Cà Văn T.

Về con chung: Giao cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008 cho anh Cà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Lò Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lò Thị M yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Cà Văn T có nơi cư trú tại bản NL, xã PL, huyện TC, tỉnh SL. Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh SL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Lò Thị M, bị đơn anh Cà Văn T vắng mặt tại phiên tòa đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01/2007 đến nay không đăng ký kết hôn. Chị M yêu cầu ly hôn anh Cà Văn T. Anh Cà Văn T nhất trí ly hôn với chị Lò Thị M.

Xét thấy: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Việc kết hôn không đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do đó không có giá trị pháp lý, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị M và anh Cà Văn T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị M và anh Cà Văn T có 02 con chung là: Cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008.

Căn cứ sự tự nguyện thỏa thuận của chị Lò Thị M, anh Cà Văn T và nguyện vọng của cháu Cà Thị T, cháu Cà NV. Giao cháu Cà Thị T và cháu Cà NV cho anh Cà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Anh Cà Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)

Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về tài sản riêng: Không có.

[7] Về nợ chung: Chị M, anh T cam đoan không có nợ chung.

[8] Về án phí: Nguyên đơn chị Lò Thị M là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện – kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có yêu cầu miễn án phí. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Lò Thị M và anh Cà Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Cà Thị T, sinh ngày 10/10/2009 và cháu Cà NV, sinh ngày 15/01/2008 cho anh Cà Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lò Thị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. (Anh Cà Văn T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con)

4. Về tài sản chung: Không có.

5. Về tài sản riêng: Không có.

6. Về nợ chung: Chị M, anh T cam đoan không có nợ chung.

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Lò Thị M. Hoàn trả chị Lò Thị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh SL là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0000929, ngày 19 tháng 10 năm 2023.

8. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị M, anh Cà Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện TC (2);
- Chi cục THADS huyện TC;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Nghĩa